

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/DS-ST
Ngày 18 - 01 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Ảnh

Ông Hồ Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đam Dơi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Dơi tham gia phiên tòa: Ông Dương Tân Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 433/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần PĐ; cư trú tại: Số 41 & 45, đường LD, phường BN, q 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trịnh Văn T – Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần PĐ.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Cẩm T1 – Giám đốc Phòng giao dịch GH là người đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Văn T (văn bản ủy quyền số 05/2021/UQ-CT.HĐQT ngày 04/11/2019).

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hoàng P – Chuyên viên thu hồi nợ là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Cẩm T1 (văn bản ủy quyền số 40/2019/UQ-GH ngày 15/01/2021) (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Hà Văn T2, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh

Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Lý Thanh T3, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Hà Bích N; cư trú tại: Ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn C; cư trú tại: Ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Ông Châu Minh N1; cư trú tại: Ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần PD trình bày:

Ngân hàng TMCP PD với ông Hà Văn T2 và bà Lý Thanh T3 ký kết hợp đồng tín dụng số 0267/2019/HĐTD-OCB-CN ngày 28/5/2019 vay số tiền 320.000.000đ.

Lãi suất vay trong hạn: 11%/năm trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần (sau đây gọi là kỳ điều chỉnh lãi suất) kỳ điều chỉnh lãi đầu tiên vào ngày 28 tháng 08 năm 2019 với công thức tính lãi như sau: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở (1) + Biên độ lãi suất (2),

Trong đó:

Lãi suất cơ sở (1): Bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ do OCB công bố tại thời điểm tính lãi.

Biên độ lãi suất (2): Tối thiểu 3,7%/năm.

Thay đổi lãi suất: OCB được quyền điều chỉnh, thay đổi kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất cơ sở, biên độ lãi suất và/hoặc phương thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của OCB tại từng thời kỳ.

Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 647368 do Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp ngày 06/8/2003, cập nhật thay đổi ngày 24/7/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông T2, bà T3 đã vi phạm cam kết, nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và các cam kết đã ký kết với OCB.

Nay Ngân hàng PD yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông T2 và bà T3 trả số tiền gốc 320.000.000đ, lãi 31.281.818đ. Buộc ông T2 và bà T3 phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 17/01/2021 cho đến khi ông

T2 và bà T3 hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng PĐ. Trường hợp ông T2 và bà T3 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho OCB thì OCB được yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp và toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để cản trừ nghĩa vụ trả nợ của ông T2 và bà T3 cho ngân hàng. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của ông T2 và bà T3 tại ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý các tài sản khác của ông T2 và bà T3 để thanh toán hết khoản nợ vay nêu trên.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần PĐ yêu cầu ông T2, bà T3 trả số tiền vốn 320.000.000đ, lãi 88.008.706đ (lãi trong hạn 2.354.342đ; lãi quá hạn 86.282.917đ), tổng 408.008.706đ; lãi phát sinh và xử lý tài sản đảm bảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự là đúng với trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; án lệ số 08; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng PĐ, buộc ông T2 và bà T3 trả cho ngân hàng tổng số tiền 408.008.706đ.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm và cho phép Ngân hàng PĐ được quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo khoản tiền vay để thu hồi nợ, nếu trường hợp ông T2, bà T3 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Chi phí xem xét tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại Cổ phần PĐ khởi kiện yêu cầu ông Hà Văn T2 và bà Lý Thanh T3 trả tiền vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng là vụ kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông T2, bà T3, bà N, ông C và ông N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối các đương sự nêu trên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng PD, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng ông T2 và bà T3 có ký kết hợp đồng tín dụng số 0267/2019/HĐTD-OCB-CN ngày 28/5/2019 với Ngân hàng PD để vay số tiền 320.000.000đ. Đồng thời, ông T2, bà T3 có ký kết tiếp hợp đồng thế chấp tài sản số 0145/2017/BĐ ngày 26/5/2017 đối với Quyền sử dụng đất số X 647368, thửa đất số 94, tờ bản đồ số 01, diện tích 30.000m² để đảm bảo cho khoản vay với Ngân hàng PD là thực tế có xảy ra.

[4] Xét hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng giữa các bên ký kết là hợp pháp cả về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả, vì theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Do vậy việc thỏa thuận giữa Ngân hàng và vợ chồng ông T2, bà T3 về mức lãi suất trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Tính đến ngày xét xử 18/01/2022 ông T2, bà T3 còn nợ Ngân hàng PD số tiền vốn 320.000.000đ, lãi 88.008.706đ (lãi trong hạn 2.354.342đ, lãi quá hạn 86.282.917đ). Như vậy, việc ông T2, bà T3 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã làm thiệt hại đến quyền lợi của ngân hàng, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng PD là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Đối với ông T2 và bà T3: Mặc dù ông bà đã biết được nội dung khởi kiện của Ngân hàng PD, nhưng ông bà không phản đối bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng PD thuộc trường hợp tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[6] Xét yêu cầu của Ngân hàng PD về việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với nội dung của Án lệ số 08/2016/AL nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu của Ngân hàng PD về việc thanh lý tài sản đảm bảo trong trường hợp ông T2, bà T3 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thấy rằng: Theo khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng quy định “Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản đảm bảo tiền vay theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng đảm bảo và quy định của pháp luật”. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng PD là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T2 và bà T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Xét về chi phí xem xét tại chỗ: Ông T2 và bà T3 phải chịu chi phí xem xét tại chỗ theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 5; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147; khoản 1 Điều 157 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần PD.

1. Buộc ông Hà Văn T2 và bà Lý Thanh T3 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần PD số tiền là 408.008.706 đồng (bốn trăm lẻ tám triệu không trăm lẻ tám ngàn bảy trăm lẻ sáu đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trong trường hợp ông Hà Văn T2 và bà Lý Thanh T3 không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 0267/2019/HĐTD-OCB-CN ngày 28/5/2019, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần PD có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật Quyền sử dụng đất số X 647368, thửa đất số 94, tờ bản đồ số 01, diện tích 30.000m² tọa lạc ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau do Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp cho ông Hà Văn T2 ngày 06/8/2003 để thu hồi nợ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần PD không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng PD 8.782.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã

nộp theo biên lai số 0011783 ngày 03/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

- Ông Hà Văn T2 và bà Lý Thanh T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 20.320.000 đồng.

5. Về chi phí xem xét tại chỗ: Ông Hà Văn T2 và bà Lý Thanh T3 phải chịu chi phí là 300.000 đồng. Buộc ông Hà Văn T2 và bà Lý Thanh T3 phải có nghĩa vụ nộp số tiền 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi để hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần PĐ.

6. Kể từ ngày Ngân hàng Thương mại Cổ phần PĐ có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền chi phí xem xét tại chỗ, nếu ông Hà Văn T2 và bà Lý Thanh T3 chậm thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng ông T2, bà T3 còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh

